TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**52**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2017
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung
Các hội thẩm nhân dân :
Bà Lê Thị Thu Nga
ÔngNguyễn Văn Đời

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hương Trà – Là Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST - HPT ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Thu P** . Sinh năm : 1981. Nghề nghiệp: Nhân viên Bưu điện. Địa chỉ : K442 H20/23 H, phường B, quận H, TP Đà Nẵng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1956. Nghề nghiệp : Xây dựng
Nơi ĐKHKTT : 01/93 L, TP Hải Phòng.
Tạm trú tại : Số 115 T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2017, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Bà P và Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận H, Tp Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại : K442 H20/23 H, phường B, quận H, TP Đà Nẵng. Đến năm 2015 tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến ly thân gần 2 năm nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm Bà P xác định không

còn yêu thương ông H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà P được ly hôn ông Nguyễn Tiến H.

Về con chung : Bà P xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 28/10/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Nguyễn Tiến H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Bà P xác định không có

Về nợ chung : Bà P xác định không có

Bị đơn, Nguyễn Tiến H từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử đúng nguyên tắc chung. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của Bà P và ông H đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho Bà P được ly hôn ông H ; về con chung: hiện nay Bà P có nguyện vọng được nuôi con chung là Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 28/10/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu Nguyễn Tiến H phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không có ý kiến, yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao con chung là Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 18/10/2012 cho Bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, Bà P không yêu cầu ông Hcấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung : không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng**: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Lê Thị Thu P và ông Nguyễn Tiến H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn Tiến H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] **Về nội dung:** Bà Lê Thị Thu P và Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường B, quận H, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2010 ngày 28/06/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc gì. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo Bà P trình bày là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến ly thân gần 2 năm nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Bà P xác định không còn yêu thương ông H nên xin được ly hôn còn ông H mặc dù thường xuyên đi làm ăn xa, ít có mặt tại nhà thuê trọ số 115 T, phường A, quận S, Tp Đà Nẵng nhưng cũng đã trực tiếp nhận được giấy triệu tập của Tòa án, đã biết việc bà Lê Thị Thu P nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đối với ông H tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà P thì thấy: Giữa Bà P và ông H từ khi kết hôn năm 2010 đến nay chung sống hạnh phúc đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình. Đối với ông H có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, Bà P , ông H đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Bà P là có cơ sở. Đại diện chính quyền địa phương nơi ông Hùng, Bà P chung sống tại tổ 44 phường B, quận H, Tp Đà Nẵng xác định giữa Bà P và ông H có mâu thuẫn có cãi nhau, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ, hiện nay ông H, Bà P đã sống ly thân. Đại diện chính quyền địa phương nơi ông H tạm trú xác định ông H huê nhà tại số 115 Thế Lữ, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng để ở từ cuối tháng 4 năm 2017 và thường xuyên đi làm ăn xa, ông H thuê nhà sống một mình không ở chung với vợ con nên địa phương không nắm rõ được tình trạng hôn nhân của ông H, Bà P. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại nữa mà giải quyết cho Bà P được ly hôn với ông H à phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Bà P xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 28/10/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu Nguyễn Tiến H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của các con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Nguyễn Trần Thị Hà A còn nhỏ, là con gái hiện đang sống chung với mẹ nên cần giao con Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 28/10/2012 cho bà Lê Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do Bà P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[3]Về tài sản chung: Bà P xác định không có, ông H không có ý kiến về vấn này nên HĐXX không đề cập đến.

[4]Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu P xác định không có. Ông H không có ý kiến gì về vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Sau này các đương sự có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, yêu cầu giải quyết nợ chung có đơn khởi kiện tại Tòa án thì sẽ được thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn bà Lê Thị Thu P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc"Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của bà Lê Thị Thu P đối với ông Nguyễn Tiến H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu P được ly hôn ông Nguyễn Tiến H.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu P đối với Nguyễn Tiến H nên giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2010 do UBND phường B, quận H, TP Đà Nẵng cấp ngày 28/06/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao giao con Nguyễn Trần Thị Hà A, sinh ngày 28/10/2012 cho bà Lê Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến

4. Về nợ chung :Không đề cập đến

*** Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị Thu P phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí Bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, biên lai thu số 0001697 ngày 25/4/2017.

Báo cho Bà P biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 18/9/2017. Riêng Nguyễn Tiến H vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân quận Sơn Trà - Đà Nẵng;*
- *Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà, ĐN;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường B, quận H,thành phố Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ, VT.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Mỹ Dung